

Số: 14 /2021/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 13 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện
Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Bình Phước

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 28/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về một số biện pháp phát triển ngoại thương;

Căn cứ Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 12/2019/QĐ-TTg ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ khoản 1 Điều 10 Thông tư số 171/2014/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình Xúc tiến thương mại quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 11/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển ngoại thương thuộc Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại;

Căn cứ Thông tư số 40/2020/TT-BCT ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương thuộc Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại;



Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại tờ trình số 930/TTr-SCT ngày 11 tháng 5 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2021 và thay thế Quyết định số 38/2015/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Bình Phước; Quyết định số 18/2016/QĐ-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung khoản 1, Điều 9, Quy chế được ban hành kèm theo Quyết định số 38/2015/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Các ông (bà) Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Công Thương; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công Thương;
- Cục KTVBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm CNTT&TT;
- LĐVP, các phòng;
- Lưu: VT, (Quế-12.5).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

CHỦ TỊCH



Trần Tuệ Hiền

QUY CHẾ**Xây dựng, quản lý và thực hiện****Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Bình Phước***(Ban hành kèm theo Quyết định số 14 /2021/QĐ-UBND ngày 13 / 5 /2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)***Chương I****QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng****1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định việc xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Bình Phước sử dụng nguồn kinh phí xúc tiến thương mại địa phương (sau đây gọi tắt là Chương trình).

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với cơ quan quản lý, đơn vị chủ trì, đơn vị tham gia thực hiện Chương trình và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc xây dựng, quản lý và thực hiện chương trình xúc tiến thương mại tỉnh

1. Phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chương trình phát triển xuất khẩu hàng hóa và phát triển thương mại tỉnh Bình Phước; phù hợp với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh.

2. Chương trình thực hiện phải đảm bảo tính khả thi, đúng mục tiêu, đối tượng áp dụng, sử dụng kinh phí tiết kiệm và chịu trách nhiệm về nội dung chi theo đúng chế độ tài chính hiện hành.

Điều 3. Mục tiêu của Chương trình

Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh được xây dựng trên cơ sở định hướng phát triển ngoại thương, thị trường trong nước, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, nhằm:

1. Tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển ngoại thương, thị trường trong nước, thương mại khu vực nông thôn, biên giới.

2. Góp phần nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

3. Tạo điều kiện cho hàng Việt Nam từng bước chiếm lĩnh thị trường nội địa, thông qua việc thực hiện cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”.

4. Gắn hoạt động xúc tiến thương mại với hoạt động xúc tiến đầu tư, xúc tiến du lịch của tỉnh, góp phần tăng cường khả năng cạnh tranh, nâng cao lợi thế thương mại của các ngành hàng, sản phẩm hàng hóa chủ lực của tỉnh.

Điều 4. Cơ quan quản lý chương trình

1. Sở Công Thương là cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh giao trách nhiệm quản lý Chương trình, chịu trách nhiệm phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố liên quan tổ chức thực hiện chương trình.

a) Phổ biến định hướng phát triển ngoại thương, phát triển thị trường trong nước và thương mại biên giới theo chiến lược, quy hoạch và các đề án phát triển ngành được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Hướng dẫn xây dựng đề án xúc tiến thương mại theo quy định tại Quy chế này.

c) Đánh giá, thẩm định các đề án xúc tiến thương mại để tổng hợp đưa vào Kế hoạch hàng năm trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

d) Tổ chức triển khai công tác giám sát, kiểm tra việc thực hiện các đề án thuộc Chương trình xúc tiến thương mại của tỉnh.

đ) Tổng hợp, đánh giá kết quả, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Công Thương về tình hình thực hiện Chương trình.

2. Giám đốc Sở Công Thương ra quyết định thành lập và ban hành quy chế làm việc của Hội đồng thẩm định Chương trình (sau đây gọi tắt là Hội đồng).

a) Hội đồng bao gồm đại diện: các phòng chuyên môn có liên quan thuộc Sở Công Thương, đại diện các Sở, ngành có liên quan do Giám đốc Sở Công Thương làm Chủ tịch Hội đồng.

b) Hội đồng có nhiệm vụ tham mưu, giúp Giám đốc Sở Công Thương thẩm định các đề án xúc tiến thương mại của đơn vị chủ trì xây dựng, tổng hợp vào Chương trình xúc tiến thương mại hàng năm để trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Trường hợp đề án xúc tiến thương mại phát sinh ngoài danh mục Chương trình xúc tiến thương mại đã được phê duyệt, Sở Công Thương trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt bổ sung.

Điều 5. Đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình

1. Đơn vị chủ trì thực hiện chương trình: Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch; Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp; các Hội doanh nghiệp; các tổ chức chính trị - xã hội trong tỉnh có Đề án xúc tiến thương mại đáp ứng các mục tiêu, yêu cầu, điều kiện quy định tại quy chế này và được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình được tiếp nhận kinh phí hỗ trợ để triển khai thực hiện Chương trình và có trách nhiệm quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 6. Đơn vị tham gia thực hiện Chương trình

Đơn vị tham gia thực hiện Chương trình: Các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, Hợp tác xã, cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh được thành lập theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Kinh phí thực hiện Chương trình

1. Kinh phí thực hiện Chương trình từ các nguồn sau: Ngân sách tỉnh, đóng góp của các tổ chức, doanh nghiệp tham gia Chương trình và nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Kinh phí Chương trình được sử dụng cho mục đích được quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11 và Điều 12 của Quy chế này. Mức chi quy định nêu trên theo mức tối đa thì tùy theo tính chất của từng nội dung để hỗ trợ cho phù hợp.

Điều 8. Quản lý kinh phí thực hiện chương trình

1. Ngân sách nhà nước hỗ trợ các Đề án đáp ứng về sự cần thiết, quy mô, khối lượng và hiệu quả theo quy định tại Chương trình hàng năm, từng giai đoạn và nhiệm vụ đột xuất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

2. Các khoản chi phải theo đúng quy định về tiêu chuẩn, định mức, chế độ chi tiêu hiện hành và phạm vi hỗ trợ kinh phí cho nội dung Chương trình theo quy định tại Quy chế này.

3. Thực hiện đấu thầu theo quy định của Luật Đấu thầu và các văn bản liên quan.

Chương II

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH VÀ MỨC HỖ TRỢ

Điều 9. Hoạt động xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương

1. Tổ chức, tham gia hội chợ, triển lãm thương mại tại nước ngoài.

a) Quy mô: Hội chợ, triển lãm đa ngành có quy mô tối thiểu 12 gian hàng và tối thiểu 12 doanh nghiệp tham gia. Hội chợ, triển lãm chuyên ngành có quy mô tối thiểu 06 gian hàng và tối thiểu 06 doanh nghiệp tham gia.

b) Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí tuyên truyền, quảng bá trên các phương tiện truyền thông, các hình thức quảng bá của hội chợ, triển lãm; tổ chức giới thiệu thông tin về hội chợ, triển lãm, đoàn doanh nghiệp tham gia hội chợ, triển lãm; thiết kế tổng thể và chi tiết, mặt bằng, dịch vụ điện, nước, an ninh, bảo vệ, vệ sinh môi trường, dàn dựng gian hàng, trang trí chung; lễ khai mạc (đối với hội chợ, triển lãm do tỉnh tổ chức hoặc đồng tổ chức có quy mô từ 100 gian hàng của doanh nghiệp Việt Nam trở lên hoặc tham gia hội chợ, triển lãm ở nước ngoài có quy mô từ 30 gian hàng trở lên): Mời khách, lễ tân, trang trí, văn nghệ, sân khấu, âm thanh, ánh sáng; Công tác phí cho người của đơn vị chủ trì tham gia tổ chức.

2. Tổ chức tham gia hội chợ, triển lãm tại Việt Nam đối với các sản phẩm xuất khẩu.

a) Đối với đơn vị chủ trì: Hỗ trợ tối đa 100% chi phí thuê gian hàng triển lãm chung, chi phí trang trí, chi phí vận chuyển, chi phí trực gian hàng; công tác phí cho cán bộ của đoàn chủ trì.

b) Đối với đơn vị tham gia: Hỗ trợ tối đa 50% chi phí thuê gian hàng triển lãm chung, chi phí trang trí, chi phí vận chuyển và chi phí ăn, nghỉ.

3. Tổ chức hội chợ, triển lãm tại Việt Nam đối với các sản phẩm, nguyên liệu, thiết bị nhập khẩu phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu, sản phẩm công nghệ, nguyên liệu đầu vào phục vụ sản xuất các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh mà trong nước sản xuất.

a) Quy mô: Hội chợ, triển lãm có quy mô tối thiểu 50 doanh nghiệp và 100 gian hàng quy theo gian hàng tiêu chuẩn (3m x 3m).

b) Hỗ trợ tối đa 100% (tùy theo tính chất của từng nội dung) các khoản chi phí tuyên truyền, quảng bá trên các phương tiện truyền thông; Tổ chức giới thiệu, thông tin về hội chợ, triển lãm.

4. Hỗ trợ xây dựng khu vực trưng bày, giới thiệu hàng hóa xuất khẩu trên sàn giao dịch thương mại điện tử.

a) Sàn giao dịch thương mại điện tử được chọn để tổ chức gian hàng phải thuộc 50 sàn giao dịch thương mại điện tử hàng đầu thế giới theo xếp hạng của tổ chức đánh giá được công bố trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương.

b) Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí duy trì tư cách thành viên cơ bản cho tài khoản của đơn vị tham gia tối đa 12 tháng; duy trì tư cách thành viên đặc biệt cho đơn vị chủ trì tối đa 12 tháng để khai thác thông tin khách hàng cung cấp cho đơn vị tham gia; thiết kế nhận diện chung gian hàng của các đơn vị tham gia; tuyên truyền, quảng bá, mời các đơn vị tham gia, giao dịch; tổ chức, quản lý của đơn vị chủ trì (Thuê nhân công hỗ trợ kỹ thuật, xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến tài khoản; thuê tư vấn đấu thầu (nếu có); bưu chính; điện thoại; văn phòng phẩm).

5. Tham gia gian hàng Hội chợ, triển lãm quốc tế trên môi trường mạng.

a) Quy mô: Tối thiểu 12 đơn vị tham gia đối với hội chợ, triển lãm đa ngành; 06 đơn vị tham gia đối với hội chợ, triển lãm chuyên ngành.

b) Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí tuyên truyền, quảng bá, tổ chức giới thiệu thông tin về gian hàng của tỉnh; mời các đơn vị tham gia, giao dịch; thuê gian hàng trực tuyến; thiết kế tổng thể và chi tiết khu gian hàng trực tuyến; tổ chức, quản lý của đơn vị chủ trì (Chi phí cho cán bộ tổ chức, thuê tư vấn đấu thầu (nếu có), bưu chính, điện thoại, văn phòng phẩm).

6. Tổ chức Hội chợ, triển lãm trên môi trường mạng.

a) Quy mô: Tối thiểu 100 đơn vị tham gia đối với hội chợ, triển lãm đa ngành; 50 đơn vị tham gia đối với hội chợ, triển lãm chuyên ngành.

b) Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí tuyên truyền quảng bá, tổ chức giới thiệu thông tin về hội chợ, triển lãm; mời đơn vị tham gia giao dịch; thuê nền tảng trực

tuyển tổ chức hội chợ, triển lãm; thiết kế tổng thể và chi tiết hội chợ, triển lãm; tổ chức, quản lý của đơn vị chủ trì (Chi phí cho cán bộ tổ chức, thuê tư vấn đấu thầu (nếu có), bưu chính, điện thoại, văn phòng phẩm).

7. Tổ chức Hội nghị quốc tế ngành hàng xuất khẩu, giao thương trên môi trường mạng.

a) Quy mô:

- Hoạt động giao thương giữa đơn vị Việt Nam và các nhà nhập khẩu nước ngoài: Tối thiểu 07 đơn vị nước ngoài, 21 đơn vị Việt Nam tham gia đối với hoạt động giao thương chuyên ngành; tối thiểu 20 đơn vị nước ngoài, 60 đơn vị Việt Nam tham gia đối với hoạt động giao thương đa ngành;

- Hội nghị quốc tế ngành hàng xuất khẩu: Tối thiểu 60 đơn vị Việt Nam và 20 đơn vị nước ngoài tham gia;

- Hoạt động giao thương giữa nhà cung cấp với các nhà xuất khẩu Việt Nam, tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài: Tối thiểu 21 nhà cung cấp và 07 nhà xuất khẩu.

b) Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí tuyên truyền, quảng bá, tổ chức giới thiệu thông tin về hội nghị, giao thương; mời đơn vị tham gia giao dịch; thuê nền tảng trực tuyến, đường truyền mạng; thuê hội trường, thiết bị, trang trí, phiên dịch, biên dịch; in ấn tài liệu, giải khát giữa giờ, văn phòng phẩm đối với hội nghị, giao thương kết hợp trực tiếp và trực tuyến; tổ chức gian hàng, khu vực trưng bày giới thiệu sản phẩm đối với giao thương kết hợp trực tiếp và trực tuyến; tổ chức, quản lý của đơn vị chủ trì.

8. Tổ chức Hội nghị, Hội thảo, tọa đàm, diễn đàn cung cấp thông tin về phát triển sản phẩm, ngành hàng, thị trường trên môi trường mạng.

a) Quy mô: Tối thiểu 100 đơn vị Việt Nam tham gia đối với chương trình cung cấp thông tin về phát triển sản phẩm, thị trường xuất khẩu; tối thiểu 50 đơn vị nước ngoài đối với chương trình cung cấp thông tin sản phẩm, ngành hàng của Việt Nam.

b) Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí tuyên truyền, quảng bá, mời các đơn vị tham gia; thuê nền tảng trực tuyến, đường truyền mạng; thuê báo cáo viên, thuyết trình viên; thù lao, công tác phí; tổ chức, quản lý của đơn vị chủ trì.

9. Tổ chức đào tạo, tập huấn trên môi trường mạng.

a) Quy mô: Tối thiểu 50 đơn vị tham gia.

b) Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí xây dựng kế hoạch, nội dung đào tạo; thuê giảng viên, số hóa bài giảng; kiểm tra, đánh giá học tập (nếu có); thuê nền tảng đào tạo trực tuyến; in ấn, phát hành giấy chứng nhận (nếu có); tổ chức, quản lý của đơn vị chủ trì.

10. Tổ chức đoàn khảo sát thị trường, giao dịch thương mại với tổ chức, doanh nghiệp ở nước ngoài.

a) Quy mô: Tối thiểu 15 đơn vị tham gia đối với đoàn đa ngành, 07 đơn vị tham gia đối với đoàn chuyên ngành.

b) Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí tuyên truyền, quảng bá và mời các tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài đến giao thương (tuyên truyền, quảng bá trên các phương tiện truyền thông; tổ chức giới thiệu, thông tin về đoàn doanh nghiệp); tổ chức hội thảo giao thương (Hội trường, thiết bị, trang trí, khu trưng bày sản phẩm mẫu, phiên dịch, lễ tân, giải khát giữa giờ, tài liệu, thẻ tên, văn phòng phẩm); công tác phí cho người của đơn vị chủ trì tham gia tổ chức; chi phí đi lại bao gồm: Tiền vé máy bay, vé tàu, vé xe đến nước công tác và ngược lại (kể cả vé máy bay, vé tàu xe trong nội địa nước đến công tác) cho 01 người/đơn vị tham gia.

11. Tổ chức đoàn doanh nghiệp nước ngoài vào tỉnh giao dịch mua hàng.

a) Quy mô:

- Tối thiểu 07 doanh nghiệp nước ngoài, 21 doanh nghiệp Việt Nam đối với đoàn giao thương chuyên ngành;

- Tối thiểu 20 doanh nghiệp nước ngoài, 60 doanh nghiệp Việt Nam đối với đoàn giao thương đa ngành.

b) Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí tuyên truyền, quảng bá (mời các tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài và Việt Nam; tổ chức giới thiệu, thông tin về đoàn doanh nghiệp nước ngoài và các doanh nghiệp Việt Nam); tổ chức hội thảo và giao thương (hội trường, thiết bị, trang trí, phiên dịch, biên dịch, in ấn tài liệu, giải khát giữa giờ); tổ chức quản lý của đơn vị chủ trì (công tác phí cho người của đơn vị chủ trì tham gia tổ chức, buru chính, điện thoại, văn phòng phẩm); chi phí ăn, ở, đi lại tại Việt Nam của doanh nghiệp nước ngoài tham gia (không quá 04 ngày 03 đêm cho 01 người/doanh nghiệp nước ngoài); vé máy bay khứ hồi, ăn, ở, đi lại tại Việt Nam cho người của đơn vị đối tác tổ chức đưa đoàn vào Việt Nam (không quá 04 ngày 03 đêm cho 01 người/đoàn có quy mô tối thiểu 07 doanh nghiệp nước ngoài).

12. Tổ chức hội nghị quốc tế tại tỉnh về ngành hàng xuất khẩu.

a) Quy mô: Tối thiểu 60 doanh nghiệp Việt Nam, 20 doanh nghiệp và tổ chức nước ngoài sản xuất, kinh doanh, hoạt động trong lĩnh vực ngành hàng liên quan.

b) Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí tuyên truyền, quảng bá (mời các tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài và Việt Nam; tổ chức giới thiệu, thông tin về Hội nghị quốc tế ngành hàng); hội trường, thiết bị, trang trí, phiên dịch, biên dịch, in ấn tài liệu, giải khát giữa giờ; tổ chức quản lý của đơn vị chủ trì (công tác phí cho người của đơn vị chủ trì tham gia tổ chức, buru chính, điện thoại, văn phòng phẩm).

13. Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận, áp dụng và tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn, điều kiện của các tổ chức nhập khẩu, cam kết quốc tế về sản phẩm xuất khẩu, nhập khẩu.

a) Quy mô: Tối thiểu 70 đơn vị tham gia.

b) Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí xây dựng tài liệu hướng dẫn các quy định, tiêu chuẩn, điều kiện của các tổ chức nhập khẩu, cam kết quốc tế về sản phẩm xuất khẩu, nhập khẩu; tổ chức phổ biến, tập huấn (hội trường, thiết bị, trang trí, phiên dịch, biên dịch, in ấn tài liệu, giải khát giữa giờ; phổ biến trên các phương tiện thông tin truyền thông; giảng viên, báo cáo viên gồm thù lao, ăn, ở, đi lại; tổ chức của đơn vị chủ trì (công tác phí cho người của đơn vị chủ trì tham gia tổ chức, bưu chính, điện thoại, văn phòng phẩm).

14. Tổ chức hoặc tham gia các chương trình khảo sát, tìm hiểu thông tin về sản phẩm, ngành hàng, thị trường.

Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí xây dựng báo cáo nghiên cứu thông tin về sản phẩm, ngành hàng, thị trường; tổ chức quản lý của đơn vị chủ trì (bưu chính, điện thoại, văn phòng phẩm).

15. Tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, diễn đàn cung cấp thông tin về phát triển sản phẩm, ngành hàng, thị trường.

a) Quy mô:

- Tối thiểu 100 đơn vị tham gia đối với chương trình cung cấp thông tin về phát triển sản phẩm, thị trường xuất khẩu;

- Tối thiểu 50 doanh nghiệp nước ngoài đối với chương trình cung cấp thông tin quảng bá sản phẩm, ngành hàng của Việt Nam.

b) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí Tuyên truyền, quảng bá, mời các tổ chức, doanh nghiệp tham gia; Báo cáo viên (Thù lao, ăn, ở, đi lại); tổ chức quản lý của đơn vị chủ trì (Công tác phí cho người của đơn vị chủ trì tham gia tổ chức, bưu chính, điện thoại, văn phòng phẩm).

16. Đào tạo, tập huấn, phổ biến kiến thức nâng cao năng lực thiết kế, phát triển sản phẩm xuất khẩu cho các doanh nghiệp.

Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí biên soạn nội dung đào tạo, tập huấn; biên dịch, phiên dịch; in ấn tài liệu, văn phòng phẩm; giảng viên, báo cáo viên gồm thù lao, ăn, ở, đi lại; hội trường, thiết bị, trang trí, giải khát giữa giờ; tổ chức quản lý của đơn vị chủ trì (công tác phí cho người của đơn vị chủ trì tham gia tổ chức, quảng bá mời tham gia, bưu chính, điện thoại). Mỗi đơn vị tham gia được hỗ trợ không quá 02 học viên.

17. Tổ chức tuyên truyền quảng bá, giới thiệu về doanh nghiệp, các mặt hàng chủ lực, nhãn hiệu tập thể, chỉ dẫn địa lý các sản phẩm đặc trưng của tỉnh ra thị trường nước ngoài trên các phương tiện truyền thông trong nước và nước ngoài.

a) Chương trình xây dựng và thực hiện theo kế hoạch liên tục tối thiểu 03 năm, tối đa 05 năm đối với 01 thị trường mục tiêu.

b) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thuê tư vấn xây dựng nội dung và kế hoạch, chiến lược tuyên truyền, quảng bá; thực hiện sản phẩm tuyên truyền, quảng bá; xây dựng sản phẩm tuyên truyền, quảng bá (Thiết kế, thu thập tư liệu, viết bài, sản xuất phim, ảnh, sản phẩm truyền thông); tuyên truyền, quảng

bá, phát hành tại các sự kiện xúc tiến thương mại và trên các phương tiện thông tin truyền thông.

18. Tổ chức đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực xúc tiến thương mại, phát triển thị trường.

a) Quy mô: tối thiểu 50 đơn vị tham gia.

b) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí (mỗi đơn vị tham gia được hỗ trợ không quá 02 học viên) biên soạn nội dung đào tạo, tập huấn; biên dịch, phiên dịch; in ấn tài liệu, văn phòng phẩm; thù lao ăn, ở, đi lại của giảng viên, báo cáo viên; Hội trường, thiết bị, trang trí, giải khát giữa giờ; tổ chức quản lý của đơn vị chủ trì (công tác phí cho người của đơn vị chủ trì tham gia tổ chức, quảng bá, mời tham gia, bưu chính, điện thoại).

19. Các hoạt động xúc tiến thương mại khác do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 10. Phạm vi và mức hỗ trợ kinh phí đối với Chương trình Xúc tiến thương mại thị trường trong nước

1. Tổ chức, tham gia hội chợ, triển lãm hàng tiêu dùng tổng hợp hoặc vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp nông thôn, giới thiệu sản phẩm của doanh nghiệp Việt Nam đến người tiêu dùng của tỉnh và của doanh nghiệp tỉnh Bình Phước tại các tỉnh.

a) Đối với đơn vị chủ trì: Hỗ trợ tối đa 100% chi phí thuê gian hàng triển lãm chung, chi phí trang trí, chi phí vận chuyển, chi phí trực gian hàng; công tác phí cho cán bộ của đoàn chủ trì.

b) Đối với đơn vị tham gia: Hỗ trợ tối đa 50% kinh phí thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng gian hàng; dịch vụ phục vụ gồm điện, nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ (nếu chưa có trong chi phí thuê mặt bằng và gian hàng); chi phí quản lý của đơn vị tổ chức hội chợ triển lãm; trang trí chung của hội chợ triển lãm; tổ chức khai mạc, bế mạc (Giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng); tổ chức hội thảo (Chi phí thuê hội trường, thiết bị); chi phí tuyên truyền, quảng bá giới thiệu hội chợ triển lãm.

2. Tổ chức các hoạt động bán hàng, thực hiện các chương trình đưa hàng Việt về nông thôn, về các khu, cụm công nghiệp, khu đô thị.

Hỗ trợ tối đa 70% kinh phí vận chuyển; thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng quầy hàng; dịch vụ phục vụ (điện, nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ); trang trí chung của khu vực tổ chức hoạt động bán hàng; tổ chức khai mạc, bế mạc (giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng); chi phí quản lý, nhân công phục vụ; chi phí tuyên truyền, quảng bá giới thiệu việc tổ chức hoạt động bán hàng.

3. Điều tra, khảo sát, nghiên cứu thị trường trong nước; xây dựng cơ sở dữ liệu các mặt hàng quan trọng, thiết yếu; nghiên cứu phát triển hệ thống phân phối, cơ sở hạ tầng thương mại. Các ấn phẩm để phổ biến kết quả điều tra, khảo sát, phổ biến pháp luật, tập quán, thói quen mua sắm.

Hỗ trợ tối đa 100% các kinh phí mua tư liệu; điều tra, khảo sát và tổng hợp tư liệu; xuất bản và phát hành.

4. Tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về hàng hóa và dịch vụ Việt Nam đến người tiêu dùng trong nước, giới thiệu về doanh nghiệp, quảng bá sản phẩm lợi thế, các mặt hàng chủ lực của tỉnh qua các hoạt động truyền thông trên báo giấy, báo điện tử, truyền thanh, truyền hình, ấn phẩm và các hình thức phổ biến thông tin khác.

Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện nội dung sản phẩm truyền thông và phát hành trên các phương tiện thông tin đại chúng.

5. Tổ chức các sự kiện xúc tiến thương mại thị trường trong nước: Tháng Khuyến mãi, Tuần hàng Việt Nam, chương trình giới thiệu sản phẩm mới, sản phẩm đặc trưng của tỉnh, bình chọn sản phẩm Việt Nam được yêu thích nhất theo tháng, quý, năm và điểm bán hàng Việt.

Hỗ trợ tối đa 50% kinh phí vận chuyển; thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng quầy hàng, trang trí tổng thể khu tổ chức sự kiện xúc tiến thương mại; dịch vụ phục vụ (điện, nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ); trang trí chung của khu vực tổ chức; tổ chức khai mạc, bế mạc (giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng); chi phí quản lý, nhân công phục vụ; chi phí tuyên truyền, quảng bá.

6. Đào tạo, tập huấn ngắn hạn nâng cao nghiệp vụ sản xuất, kinh doanh, kỹ năng, nghiệp vụ xúc tiến thương mại, kỹ năng phát triển thị trường trong nước; hợp tác với các tổ chức, cá nhân nghiên cứu xây dựng phát triển thị trường trong nước.

Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí giảng viên, thuê lớp học, thiết bị giảng dạy, tài liệu cho học viên.

7. Các hoạt động xúc tiến thương mại khác do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 11. Phạm vi và mức hỗ trợ kinh phí đối với Chương trình Xúc tiến thương mại biên giới

1. Tổ chức phiên chợ hàng Việt đến huyện biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng quầy hàng; Dịch vụ phục vụ (Điện, nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ); Trang trí chung của khu vực tổ chức hoạt động bán hàng; Tổ chức khai mạc, bế mạc (Giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng); Chi phí quản lý, nhân công phục vụ; Chi phí tuyên truyền, quảng bá giới thiệu việc tổ chức hoạt động bán hàng.

2. Tổ chức và phát triển hệ thống phân phối hàng Việt sang các khu vực biên giới với nước có chung biên giới. Hỗ trợ tối đa 100% các khoản chi phí.

a) Tổ chức phiên chợ hàng Việt sang các khu vực biên giới với Vương quốc Campuchia:

- Kinh phí xin giấy phép chính quyền sở tại (tổ chức tại các tỉnh ở nước ngoài có biên giới với Việt Nam);

- Kinh phí thuê mặt bằng, trang trí tổng thể, dàn dựng gian hàng, điện nước, an ninh, vệ sinh;

- Kinh phí tuyên truyền, quảng bá giới thiệu chương trình tổ chức bán hàng và hệ thống phân phối hàng hóa;

b. Kinh phí hành chính phải nộp thực tế cho cơ quan cấp phép để mở văn phòng đại diện tại các tỉnh nước ngoài có chung biên giới với Việt Nam.

3. Chi hỗ trợ xây dựng và cung cấp thông tin thị trường biên giới, cửa khẩu của tỉnh và Vương quốc Campuchia.

Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí mua tư liệu; điều tra, khảo sát và tổng hợp tư liệu; xuất bản và phát hành.

4. Chi hỗ trợ tổ chức các hoạt động giao nhận, vận chuyển và dịch vụ hỗ trợ xuất khẩu hàng hóa qua các cửa khẩu biên giới.

Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí lập dự án đầu tư, chi phí thiết kế, chi phí các thủ tục hành chính, thẩm tra phê duyệt nhằm xây dựng bến bãi vận tải, giao nhận, tập kết hàng hóa, hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ xuất khẩu tại các cửa khẩu khu vực biên giới.

5. Chi hỗ trợ tổ chức hoạt động giao dịch thương mại và đưa hàng vào Khu kinh tế cửa khẩu:.

Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí tổ chức giao dịch (thuê hội trường, thiết bị, trang trí, đón tiếp, tài liệu, phiên dịch).

6. Chi hỗ trợ các hoạt động nâng cao năng lực cho thương nhân tham gia xuất khẩu hàng hóa qua biên giới và thương nhân tại khu vực biên giới.

Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho cán bộ, các chủ nhiệm hợp tác xã và thương nhân vùng biên giới, vùng sâu, vùng xa về công tác quản lý chợ, khu kinh tế cửa khẩu, tổ chức mua bán tiêu thụ sản phẩm vùng biên giới, vùng sâu, vùng xa và tổ chức thực hiện các chính sách của địa phương và trung ương.

7. Chi hỗ trợ tổ chức các hoạt động tuyên truyền, quảng bá, tiêu thụ hàng hóa, đặc biệt là nông sản cho biên giới.

Hỗ trợ tối đa 100% các kinh phí thiết kế, xây dựng nội dung chiến lược truyền thông; Chi phí sản xuất, xuất bản và phát hành.

8. Hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động xúc tiến thương mại biên giới khác do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 12. Chi phí điều hành thực hiện chương trình xúc tiến thương mại của tỉnh

Chi thẩm định đánh giá và quản lý các Đề án xúc tiến thương mại, chi phí xăng xe, công tác phí, văn phòng phẩm, khen thưởng, tổ chức hội nghị thẩm định, chi phí khác.

Chương III

THẨM ĐỊNH VÀ QUẢN LÝ KINH PHÍ CHƯƠNG TRÌNH

Điều 13. Thẩm định và cấp kinh phí hỗ trợ chương trình xúc tiến thương mại

1. Các đơn vị có nhu cầu hỗ trợ kinh phí xúc tiến thương mại đăng ký nhu cầu Hỗ trợ kinh phí xúc tiến thương mại tỉnh gửi về Sở Công Thương (Hội đồng thẩm định Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh) chậm nhất vào ngày 30/6 của năm trước năm kế hoạch. Hội đồng thẩm định tổ chức thẩm định (lần 1) các Đề án xúc tiến thương mại do các đơn vị Chủ trì đề xuất và nội dung được Hỗ trợ tại Quy chế này, tổng hợp thành Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh của năm kế hoạch và dự toán ngân sách tỉnh cần hỗ trợ trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Danh mục Chương trình xúc tiến thương mại năm kế hoạch.

2. Căn cứ Danh mục Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh của năm kế hoạch được UBND tỉnh phê duyệt, Hội đồng thẩm định tổ chức hội nghị thẩm định (lần 2), tổng hợp kinh phí dự toán Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh năm kế hoạch theo Danh mục đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt gửi Sở Tài chính. Sở Tài chính có nhiệm vụ thẩm định dự toán và tổng hợp chung trong dự toán ngân sách của tỉnh hàng năm, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định cấp kinh phí cho các Đề án theo Danh mục đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Đồng thời thông báo kết quả thẩm định cho Hội đồng thẩm định sau khi có kết quả thẩm định Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh của năm kế hoạch và dự toán.

3. Sau khi Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua dự toán ngân sách tỉnh hỗ trợ thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại; Hội đồng thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh. Kinh phí xúc tiến thương mại được chuyển cho đơn vị Chủ trì quản lý thực hiện.

Điều 14. Triển khai thực hiện Chương trình

1. Căn cứ Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh, Sở Công Thương công bố công khai nội dung của Chương trình đến các tổ chức, hiệp hội ngành hàng, doanh nghiệp và cơ sở kinh doanh trong tỉnh; Chủ trì, quản lý việc thực hiện Chương trình được phê duyệt.

2. Đơn vị Chủ trì Đề án lựa chọn các đơn vị tham gia phải phù hợp với mục tiêu của Đề án. Riêng đối với Chương trình xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương có tổ chức đoàn đi công tác nước ngoài (đoàn ra), đơn vị Chủ trì phải thực hiện theo Quy chế quản lý hoạt động thông tin đối ngoại trên địa bàn tỉnh.

3. Đơn vị tham gia thực hiện Đề án chịu trách nhiệm triển khai tổ chức phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện Đề án được phê duyệt theo đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ Đề án.

Điều 15. Điều chỉnh và chấm dứt thực hiện đề án

1. Trường hợp có điều chỉnh, thay đổi nội dung, thời gian thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại đã được phê duyệt các đơn vị chủ trì phải có

văn bản giải thích rõ lý do và kiến nghị phương án điều chỉnh gửi Sở Công Thương. Trường hợp điều chỉnh không làm thay đổi tổng dự toán và không thay đổi mục tiêu chương trình đã được phê duyệt, Sở Công Thương xem xét cho điều chỉnh; trường hợp thay đổi tổng dự toán và thay đổi mục tiêu chương trình, Sở Công Thương báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2. Trường hợp đơn vị chủ trì không thực hiện hoặc thực hiện không đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ đề án đã được phê duyệt hoặc xét thấy nội dung đề án không phù hợp Giám đốc Sở Công Thương xem xét, quyết định chấm dứt việc thực hiện đề án.

3. Sở Công Thương rà soát tiến độ, nội dung kinh phí thực hiện đề án để điều chỉnh, thu hồi kinh phí chưa sử dụng hết, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung chương trình.

Chương IV **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 16. Trách nhiệm của Sở Công Thương

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn và tổ chức thực hiện Quy chế này.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan giám sát, kiểm tra việc thực hiện Chương trình, bảo đảm chương trình được thực hiện theo đúng yêu cầu, mục tiêu, nội dung, tiến độ và quy định của pháp luật.

3. Chịu trách nhiệm theo dõi, tổng hợp việc thực hiện Chương trình; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh những vấn đề ngoài quy định của quy chế này hoặc vượt thẩm quyền.

4. Tổng kết việc thực hiện quy chế; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung quy chế trong trường hợp cần thiết.

5. Không tiếp nhận đề án trong năm tiếp theo đối với đơn vị chủ trì vi phạm quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4, Điều 19 quy chế này.

6. Không tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hỗ trợ đối với đơn vị chủ trì vi phạm quy định tại khoản 5 Điều 19 quy chế này trong 03 năm tiếp theo tính từ năm vi phạm.

7. Không xem xét trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các đề án xúc tiến thương mại trong năm tiếp theo của các đơn vị chủ trì Chương trình không thực hiện thành, quyết toán kinh phí hỗ trợ theo hợp đồng quy định tại quy chế này.

Điều 17. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Hàng năm, tùy thuộc vào khả năng thu ngân sách, Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện chương trình hiệu quả và tiết kiệm.

Điều 18. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan

Các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp với Sở Công Thương và các đơn vị chủ trì trong việc tổ chức thực hiện có hiệu quả các đề án xúc tiến thương mại của tỉnh.

Điều 19. Trách nhiệm của đơn vị chủ trì

1. Tổ chức thực hiện các đề án được phê duyệt theo đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ, dự toán đã được duyệt; đảm bảo sử dụng kinh phí tiết kiệm, có hiệu quả và chịu trách nhiệm về nội dung chi theo đúng chế độ tài chính hiện hành.

2. Phối hợp và phân công các đơn vị tham gia thực hiện từng nội dung của đề án.

3. Lựa chọn đơn vị tham gia phù hợp với tiêu chí theo quy định. Nội dung tham gia của doanh nghiệp phải phù hợp với sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp.

4. Khi thực hiện xong đề án, các đơn vị chủ trì phải gửi báo cáo tình hình thực hiện về Sở Công Thương trong thời gian 30 ngày làm việc kể từ khi kết thúc đề án, đồng thời thông báo cho các cơ quan, đơn vị tham gia đề án thực hiện các báo cáo liên quan.

5. Cung cấp đầy đủ tài liệu, thông tin trung thực liên quan đến tình hình thực hiện đề án và tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Trách nhiệm của đơn vị tham gia chương trình

Thực hiện nghiêm túc các quy định khi tham gia các chương trình theo hướng dẫn của đơn vị chủ trì. Sử dụng kinh phí hỗ trợ theo đúng nội dung đã đăng ký. Thực hiện báo cáo có liên quan theo quy định.

Điều 21. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, bất cập, các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Công Thương để tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.



Phụ lục
CÁC BIỂU MẪU

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1A /2021/QĐ-UBND ngày 13/5 /2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)*

STT	Tên biểu mẫu
Mẫu số 01	Văn bản đề xuất đề án
Mẫu số 02	Đề án chi tiết thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại
Mẫu số 03	Văn bản đề xuất bổ sung đề án thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại
Mẫu số 04	Văn bản đề nghị điều chỉnh/thay đổi nội dung/chấm dứt thực hiện đề án
Mẫu số 05	Báo cáo thực hiện đề án

TÊN ĐƠN VỊ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúcSố: /
V/v đề xuất đề án về xúc tiến
thương mại năm

Bình Phước, ngày tháng năm

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước

(Tên đơn vị) đề xuất đề án xúc tiến thương mại năm với
tổng kinh phí đề nghị nhà nước hỗ trợ là triệu đồng.

(Tên đơn vị) gửi kèm đây các tài liệu sau:

1. Danh mục đề án xúc tiến thương mại năm..... được sắp xếp theo thứ tự
ưu tiên.

2. Đề án chi tiết: gồm... đề án.

3. Bản sao (không cần chứng thực) quyết định thành lập hoặc Điều lệ (hoặc
văn bản có giá trị tương đương),4. Báo cáo tình hình hoạt động xúc tiến thương mại của đơn vị chủ trì trong
năm gần nhất:- Đề án đã được đơn vị thực hiện từ năm Một số kết quả chính của các
đề án năm trước.- Đã tham gia với tư cách là đơn vị tham gia các đoàn xúc tiến thương mại
do các đơn vị chỉ trì trong nước/nước ngoài thực hiện.5. (Tên đơn vị) cử các nhân sự sau chịu trách nhiệm tổ chức triển khai Đề
án xúc tiến thương mại năm.....:**Chủ nhiệm đề án:** Ông/Bà- (Chức vụ)

Điện thoại cố định:Di động:.....

Fax:Email:

Điều phối viên đề án: Ông/Bà- (Chức vụ)

Điện thoại cố định:Di động:

Fax:Email:

Kính đề nghị Sở Công Thương tiếp nhận, thực hiện các thủ tục liên quan,
xem xét phê duyệt./.**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT,.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày tháng năm

ĐỀ ÁN

Tên đề án:.....

1. Sự cần thiết

- Nêu đặc điểm, xu thế thị trường trong tỉnh/nước/thế giới; Phân tích tính phù hợp của đề án này với định hướng phát triển kinh tế xã hội, chiến lược xuất khẩu tỉnh/quốc gia/ chiến lược xuất khẩu chung về ngành hàng và/hoặc thị trường.

- Chứng minh sự phù hợp của đề án với thực trạng về mặt hàng, thị trường, doanh nghiệp, môi trường cạnh tranh.

- Chứng minh đề án xuất phát từ nhu cầu của doanh nghiệp (đề nghị gửi kèm tài liệu).

- Nêu rõ lý do và sự cần thiết phải triển khai thực hiện đề án.

- Làm rõ, cụ thể hóa và chi tiết hóa đề án sẽ góp phần phát triển thương mại như thế nào; vai trò đóng góp của đề án trong việc phát huy hoặc khai thác lợi thế của ngành hàng hay của thị trường mục tiêu.

- Làm rõ, cụ thể hóa và chi tiết hóa đề án sẽ góp phần nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh của cộng đồng đơn vị tham gia như thế nào, khắc phục được hạn chế gì của đơn vị tham gia.

- Làm rõ sự tham gia ủng hộ của các địa phương có mặt hàng mục tiêu của đề án hoặc địa phương nơi thực hiện đề án.

- Đối với đề xuất tổ chức tham gia hội chợ triển lãm trong và ngoài nước, bổ sung thêm thông tin giới thiệu về hội chợ triển lãm được đề xuất.

2. Mục tiêu:

- Đề án xác định mục tiêu cụ thể về nhóm đơn vị tham gia: Số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã,...) phù hợp với nội dung đề án.

- Đề án xác định thị trường mục tiêu cụ thể, mang tính trọng tâm, trọng điểm.

- Mục tiêu cụ thể về số lượng đơn vị tham gia đề án, số lượng doanh nghiệp xuất khẩu mới.

- Mục tiêu về phát triển thị phần xuất khẩu, phát triển thị trường xuất khẩu mới.

3. Nội dung đề án

- Thời gian: (đề án đề xuất dài hạn ghi rõ giai đoạn thực hiện).

- Địa điểm:
- Đối tượng mục tiêu: Nêu rõ thành phần doanh nghiệp dự kiến tham gia, tiêu chí lựa chọn doanh nghiệp.
- Mặt hàng mục tiêu: Nêu rõ tiêu chí lựa chọn mặt hàng trung bày.
- Thị trường mục tiêu:
- Quy mô: Số lượng doanh nghiệp dự kiến tham gia (và quy mô gian hàng dự kiến đối với hội chợ, phiên chợ).
- Nội dung hoạt động chính:

4. Phương thức triển khai:

- Đề án nêu rõ đối tác, nguyên tắc phối hợp để đạt mục tiêu đề án.
- Kinh nghiệm, khả năng hợp tác với các chuyên gia, đối tác uy tín trong và ngoài nước để thực hiện đề án.
- Các dịch vụ gia tăng đơn vị chủ trì có thể hỗ trợ các đơn vị tham gia (nếu có).

5. Kế hoạch triển khai và tiến độ thực hiện

STT	Hạng mục công việc chính	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Bố trí nhân lực

Đối với đề án đề xuất trung hạn: Xây dựng kế hoạch triển khai và tiến độ thực hiện của từng năm trong giai đoạn đề xuất.

6. Dự toán kinh phí: Chi tiết theo bảng kèm theo

- Tổng dự toán kinh phí:đồng
- Phần đề nghị hỗ trợ từ ngân sách Đề án phù hợp với quy định:đồng
- Phương án huy động kinh phí (sau khi trừ phần kinh phí hỗ trợ từ ngân sách): rõ ràng, khả thi.

7. Rủi ro dự kiến và các biện pháp khắc phục

Dự báo các rủi ro có thể xảy ra làm ảnh hưởng tới hiệu quả của đề án. Trong từng tình huống, nêu ra các biện pháp khắc phục, phòng ngừa rủi ro.

8. Hiệu quả dự kiến

Phân tích hiệu quả dự kiến cả về mặt định tính và định lượng, ngắn hạn và dài hạn, trực tiếp và gián tiếp phù hợp với mục tiêu đề ra của đề án.

9. Năng lực của đơn vị

- Đã tham gia với tư cách là đơn vị tham gia các đoàn xúc tiến thương mại do các đơn vị chỉ trì trong nước/nước ngoài thực hiện.
- Kinh nghiệm chủ trì, triển khai hoạt động xúc tiến thương mại.
- Kết quả triển khai các đề án đã được phê duyệt (nếu có): kết quả định tính, định lượng, mức độ hoàn thành mục tiêu về định tính, định lượng.
- Năng lực huy động tài chính, nhân lực.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TÊN ĐƠN VỊ

**DỰ TOÁN KINH PHÍ CHI TIẾT ĐỀ ÁN XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI
NĂM.....**

Tên đề án

STT	Nội dung hạng mục công việc	Dự toán đơn vị thực hiện đề nghị						Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tổng kinh phí đề án	Tổng kinh phí hỗ trợ	
1	Chi phí hỗ trợ doanh nghiệp							
2	Chi phí cho cán bộ tổ chức							
	Tổng cộng							

, ngày tháng năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TÊN ĐƠN VỊ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúcSố: /
V/v đề xuất bổ sung Đề
án xúc tiến thương mại
năm.....

Bình Phước, ngày tháng năm

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước

Tiếp theo văn bản số... ngày... về việc đề xuất Đề án về xúc tiến thương mại năm... (nếu trước đây đã đề xuất), (Tên đơn vị) đề xuất bổ sung..... đề án xúc tiến thương mại nămvới tổng kinh phí đề nghị nhà nước hỗ trợ làtriệu đồng.

(Tên đơn vị) gửi kèm đây các tài liệu sau:

1. Danh mục đề án đề xuất bổ sung đề án xúc tiến thương mại năm..... được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên.

2. Đề án chi tiết được đề xuất bổ sung.

3. Bản sao (không cần chứng thực) quyết định thành lập hoặc Điều lệ (hoặc văn bản có giá trị tương đương).

4. Báo cáo tình hình hoạt động xúc tiến thương mại của đơn vị chủ trì trong năm gần nhất (đối với đơn vị chưa đề xuất đề án xúc tiến thương mại trong năm trước năm kế hoạch):

- Đề án đã được đơn vị thực hiện từ năm Một số kết quả chính của các đề án năm trước.

- Đã tham gia với tư cách là đơn vị tham gia các đoàn xúc tiến thương mại do các đơn vị chỉ trì trong nước/nước ngoài thực hiện.

5. (Tên đơn vị) cử các nhân sự sau chịu trách nhiệm tổ chức triển khai đề án xúc tiến thương mại năm

Chủ nhiệm đề án: Ông/Bà.....- (Chức vụ):

Điện thoại cố định:Di động:

Email:

Điều phối viên đề án: Ông/Bà.....- (Chức vụ):.....

Điện thoại cố định:Di động:

Email:

Kính đề nghị Sở Công Thương tiếp nhận, thực hiện các thủ tục liên quan, xem xét phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT,.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

Bình Phước, ngày tháng năm

V/v đề nghị điều chỉnh/thay đổi nội dung/chấm dứt thực hiện đề án

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước

Tại Quyết định số ngày tháng năm ... của Giám đốc Sở Công Thương tỉnh Bình Phước, (Tên đơn vị) đã được phê duyệt thực hiện đề án (Tên đề án)

(Tên đơn vị) đã triển khai công tác chuẩn bị thực hiện đề án và đề xuất như sau:

1. Đề nghị điều chỉnh nội dung đề án/thay đổi nội dung/chấm dứt thực hiện đề án:

.....

2. Lý do:

.....

.....

(Tên đơn vị) đề nghị Sở Công Thương tỉnh Bình Phước xem xét chấp thuận./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,.....

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



TÊN ĐƠN VỊ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /

Bình Phước, ngày tháng năm

V/v báo cáo kết quả thực hiện Đề
án xúc tiến thương mại năm

.....

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước

Thực hiện đề án (Tên đề án) đã được Giám đốc Sở Công Thương tỉnh Bình Phước phê duyệt tại Quyết định số /QĐ-SCT ngày tháng năm , (Tên đơn vị) báo cáo kết quả thực hiện như sau:

1. Mục tiêu chính của đề án:

2. Thời gian thực hiện:

3. Địa điểm:

4. Đối tượng tham gia:

5. Quy mô:

a) Tổng số lượng đơn vị tham gia:..., gồm (số lượng)..... DN; HTX;THT; hộ kinh doanh. Cụ thể:

(Liệt kê cụ thể tên DN, HTX, THT, hộ kinh doanh tham gia cùng ngành hàng/sản phẩm tham gia).

b) Gian hàng (nếu có): gian hàng (quy theo gian hàng tiêu chuẩn 9 m²).

6. Kết quả thực hiện từng mục tiêu đã đề ra: đề nghị đánh giá kết quả thực hiện so với các mục tiêu nêu tại Mục 1.

7. Kết quả giao dịch (nếu có):

- Số lượng khách giao dịch:

- Số lượng khách hàng nhập khẩu tiềm năng:

- Thị trường xuất khẩu tiềm năng:

- Doanh số bán hàng:

- Hợp đồng/Thỏa thuận đã ký kết (nếu có):

STT	Mặt hàng	Khách hàng (thị trường)	Số lượng	Trị giá/ đơn vị tính
1				
2				
3				

- Kết quả khác:

8. Đánh giá về mặt hàng/thị trường/khả năng cạnh tranh của đơn vị tham gia.

9. Đánh giá của đơn vị tham gia: (tổng hợp dựa trên báo cáo phản hồi của các đơn vị tham gia đề án).

	Đánh giá	Rất tốt	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
1	Nội dung đề án	%	%	%	%	%
2	Công tác tổ chức thực hiện	%	%	%	%	%
3	Hiệu quả tham gia đề án	%	%	%	%	%

10. Đề xuất, kiến nghị

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

1. P.T.